

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 19/2023/HC-PT  
Ngày 15 tháng 3 năm 2023  
V/v Khiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phùng Hải Hiệp;

*Các Thẩm phán:* Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:**  
Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 531/2022/TLPT-HC ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính” do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh NB, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1719/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

\* **Người khởi kiện:** Ông Trần Quốc L (Trần Văn L), sinh năm 1957; địa chỉ: xã TP, huyện TH, tỉnh ĐT. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Người bị kiện:** Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện NQ, tỉnh NB. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã QL, huyện NQ, tỉnh NB. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1958, địa chỉ: xã TP, huyện TH, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị P: Ông Trần Quốc L. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Trần Quốc L (tên gọi khác là Trần Văn L) trình bày:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2022, ông Trần Quốc L yêu cầu Tòa án: hủy Thông báo số 105/TB-UBND ngày 26/6/2017 của UBND huyện NQ, tỉnh NB (sau đây viết tắt là Thông báo số 105), Công văn số 2016/UBND-VP ngày 11/12/2020 của UBND huyện NQ, tỉnh NB (sau đây viết tắt là Công văn số 2016), Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB. Kiến nghị UBND huyện NQ, tỉnh NB giao đất hoặc bồi thường đất cho ông đối với diện tích 400m<sup>2</sup> – 500m<sup>2</sup> tọa lạc tại xã QL, huyện NQ, tỉnh NB.

Tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 13/7/2022, ông L đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề sau: Rút yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 105 và hủy Công văn số 2016 của UBND huyện NQ, tỉnh NB. Yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB phải giải quyết đơn khiếu nại của ông đề ngày 29/7/2021 và yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB.

Về lý do khởi kiện: Ông L nguyên là bộ đội tham gia chống Mỹ cứu nước. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, ông được chuyển về làm công nhân cơ khí Nông trường QS, xã QL, huyện NQ, tỉnh NB (sau đây viết tắt là Nông trường). Trong thời gian làm công nhân, ông chưa có đất ở nên Nông trường đồng ý bán cho ông một phần đất để cất nhà ở. Ngày 28/9/1987 ông đã nộp tiền mua đất cho Nông trường với số tiền là 3.560 đồng theo Phiếu thu số 540 có chữ ký tên của Thủ trưởng, Kế toán, Thủ quỹ Nông trường. Trong thời gian chờ đợi thì ông được Nông trường cho nghỉ hưởng chế độ một lần. Năm 1991 ông chuyển về tỉnh ĐT sinh sống. Sau đó, Nông trường giải thể, toàn bộ đất đai do Nông trường quản lý được giao cho UBND huyện NQ, tỉnh NB. Ông có gửi đơn yêu cầu xã, huyện giải quyết giao đất cho ông nhưng xã, huyện bảo ông chờ đợi vì có nhiều người khiếu nại giống như ông.

Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NQ có Giấy mời ông vào ngày 05/5/2017 để giải quyết đề nghị của ông (Giấy mời ký ngày 24/4/2017) nhưng ông không nhận được Giấy mời. Chủ tịch UBND huyện NQ chưa làm việc với ông nhưng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện NQ lại tham mưu ra báo cáo kết quả xem xét giải quyết đơn của ông (Báo cáo số 29 ngày 12/5/2017) và UBND huyện NQ đã ra Thông báo số 105 là không có cơ sở, không khách quan.

Đầu năm 2021 ông có gửi đơn khiếu nại đến UBND tỉnh NB và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh NB về việc yêu cầu Chủ tịch UBND huyện NQ giải quyết hủy Thông báo số 105 và Công văn số 2016 của UBND huyện NQ. Sau đó UBND tỉnh NB và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh NB có văn bản báo cho ông biết đã chuyển đơn ông về UBND huyện NQ để giải quyết. Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB không thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của ông mà lại ban hành Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại đã xâm phạm đến quyền lợi của ông nên ông khởi kiện về hành vi hành chính không giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB.

*Người bị kiện là UBND huyện NQ, tỉnh NB trình bày (tại Công văn số 533/UBND-TNMT ngày 14/4/2022 và Công văn số 1254/UBND-TTr ngày 04/8/2022):*

Ngày 28/9/1987, gia đình ông L có nộp tiền đất làm nhà ở cho Nông trường với là số tiền 3.560 đồng. Từ năm 1991, gia đình ông Trần Quốc L đã chuyển vào tỉnh ĐT sinh sống và không trực tiếp sử dụng đất tại xã QL, huyện NQ.

Ngày 03/11/2006, UBND tỉnh NB ban hành Quyết định số 2362/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Nông trường đã giải thể. Trong Danh sách các hộ được Nông trường giao đất, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Nông trường bàn giao cho UBND xã QL thì không có tên ông L. Trong hồ sơ quản lý, không có văn bản nào của Nông trường bàn giao cho UBND huyện NQ, UBND xã QL về việc thu tiền giao đất cho ông L. Nội dung đề nghị xem xét, công nhận giao đất để làm nhà ở của ông L là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. UBND huyện NQ giữ nguyên quan điểm đối với Thông báo số 105, Công văn số 2016 và Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ. Đề nghị Tòa án bác nội dung khởi kiện của ông L, không đồng ý yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của Ông Trần Quốc L, nhất trí việc người khởi kiện xin rút yêu cầu khởi kiện UBND huyện NQ về việc đề nghị Tòa hủy Thông báo số 105 và hủy Công văn số 2016 của UBND huyện NQ, tỉnh NB.

*Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB trình bày (tại Công văn số 1253/UBND-TTr ngày 04/8/2022):*

Ngày 03/8/2021, UBND huyện NQ nhận được đơn khiếu nại ghi ngày 29/7/2021 của ông L. Sau khi giao cho các cơ quan chuyên môn xem xét, Chủ tịch UBND huyện NQ nhận thấy Thông báo số 105 và Công văn số 2016 của UBND huyện NQ không liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông L. Các văn trên là để thông tin cho ông L biết các nội dung liên quan đến việc đề nghị giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông L và thời hiệu khiếu nại Thông báo số 105, Công văn số 2016 đã hết. Ông L không cung cấp được các trở ngại khách quan dẫn đến việc quá thời hiệu giải quyết khiếu nại. Căn cứ Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND huyện NQ không thụ lý giải quyết đối với nội dung khiếu nại của ông L, đồng thời ban hành Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 thông báo cho ông L biết việc không thụ lý khiếu nại. Việc ông L khởi kiện Chủ tịch UBND huyện NQ về việc không thụ lý khiếu nại là không có cơ sở.

Căn cứ mục 4 phần III của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn trường hợp cơ quan, người có thẩm quyền ban hành văn bản bằng hình thức Công văn, Thông báo ...có nội dung cho rằng việc khiếu nại đã hết thời hiệu theo quy định của pháp luật thì văn bản hành chính này không phải là quyết định giải quyết khiếu nại và không thuộc đối tượng khởi kiện vụ án hành chính. Ông L đề nghị Tòa án hủy 02 văn bản đã hết thời hiệu khởi kiện (gồm Thông báo số 105 và Công văn số 2016). Riêng đối với Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ thì văn bản hành chính này không phải là quyết định giải quyết khiếu nại và không thuộc đối tượng khởi

kiện vụ án hành chính, thuộc trường hợp đình chỉ giải quyết vụ án theo điểm đ khoản 1 Điều 123 Luật Tổ tụng hành chính. Tuy nhiên, hiện nay người khởi kiện đã làm Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông L khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện NQ đối với Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021. Do đó, quan điểm của Chủ tịch UBND huyện NQ là không đồng ý yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc L và nhất trí việc người khởi kiện xin rút yêu cầu khởi kiện UBND huyện NQ về việc đề nghị Tòa hủy Thông báo số 105 và hủy Công văn số 2016 của UBND huyện NQ.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:*

Đại diện UBND xã QL, huyện NQ, tỉnh NB trình bày (tại Công văn số 86/UBND-ĐC ngày 01/8/2022): Sau khi kiểm tra, rà soát lại hồ sơ vụ việc liên quan đến nội dung khiếu nại của ông L, UBND xã QL đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị P trình bày: Bà đồng ý với ý kiến của ông L xin rút yêu cầu khởi kiện hủy Thông báo số 105 và hủy Công văn số 2016 của UBND huyện NQ. Bà đồng ý yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 27/9/2022, Tòa án nhân dân tỉnh NB quyết định:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc L (tên gọi khác Trần Văn L) về đề nghị Tòa án: hủy Thông báo số 105/TB-UBND ngày 26/6/2017 của UBND huyện NQ, tỉnh NB, hủy Công văn số 2016/UBND-VP ngày 11/12/2020 của UBND huyện NQ, tỉnh NB.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc L (tên gọi khác Trần Văn L) về yêu cầu Tòa án: buộc Chủ tịch UBND huyện NQ phải giải quyết Đơn khiếu nại của ông Trần Quốc L đề ngày 29/7/2021, hủy Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 11/10/2022, người khởi kiện là ông Trần Quốc L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện là Ông Trần Quốc L, người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện NQ, tỉnh NB, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã QL, huyện NQ, tỉnh NB đều vắng mặt và có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Kháng cáo của ông Trần Quốc L là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Về nội dung, kháng cáo của ông Trần Quốc L là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ

vào khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Trần Quốc L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của ông Trần Quốc L trong thời hạn luật định và hợp lệ, được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng các bên đương sự đều vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các bên đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của Ông Trần Quốc L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Ông Trần Quốc L nguyên là bộ đội tham gia kháng chiến chống Mỹ sau được chuyển về làm công nhân cơ khí Nông trường QS, xã QL, huyện NQ, tỉnh NB. Trong thời gian làm tại Nông trường, ông L được Nông trường bán cho một suất đất, ông L đã nộp tiền cho Nông trường với số tiền là 3.560 đồng tại Phiếu thu số 540 ngày 28/9/1987 nhưng chưa được giao đất. Trong thời gian chờ đợi thì ông L được Nông trường cho nghỉ hưởng chế độ một lần, đến năm 1991 ông L chuyển về tỉnh ĐT sinh sống. Sau đó Nông trường giải thể. Do đó, ông L có đơn phản ánh, kiến nghị đến các cơ quan Nhà nước giao đất ở cho gia đình ông.

Giải quyết đơn của ông L, UBND huyện NQ đã ban hành Thông báo số 105 ngày 26/6/2017 với nội dung: đề nghị của ông L là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Ngày 30/11/2020, UBND huyện NQ nhận được đơn không đề tháng năm của ông L có nội dung: Đề nghị cơ quan Nhà nước xem xét công nhận giao đất cho gia đình ông, do ông có Giấy nộp tiền đất làm nhà cho Nông trường từ năm 1987.

Ngày 11/12/2020, UBND huyện NQ ban hành Công văn số 2016 có nội dung: đơn không đề tháng năm viết đơn của ông L mà UBND huyện nhận được ngày 30/11/2020 trùng với nội dung đơn đề ngày 25/3/2017 của ông L đã được UBND huyện xem xét, giải quyết và trả lời tại Thông báo số 105, ông L không có thông tin, tài liệu nào mới cho nội dung đề nghị. Vì vậy không có cơ sở để tiếp tục xem xét, giải quyết.

Không đồng ý với nội dung Thông báo số 105 ngày 26/6/2017 và Công văn số 2016 ngày 11/12/2020 nêu trên, ngày 29/7/2021 ông L có Đơn khiếu nại với nội dung: Ông khiếu nại Thông báo số 105 và Công văn số 2016 của UBND huyện NQ, yêu cầu Chủ tịch UBND huyện NQ xem xét giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông, giao đất tại xã QL, huyện NQ cho ông sử dụng theo Phiếu thu tiền mua đất ngày 28/9/1987 của Nông trường.

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông L, Chủ tịch UBND huyện NQ ban hành Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 có nội dung: sau khi xem

xét, Chủ tịch UBND huyện NQ nhận thấy thời hiệu giải quyết đối với nội dung khiếu nại của ông L đã hết nên căn cứ quy định tại Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, nội dung khiếu nại của ông L không đủ điều kiện để được thụ lý giải quyết.

Ngày 07/3/2022, ông Trần Quốc L khởi kiện vụ án yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 105 ngày 26/6/2017, Công văn số 2016 ngày 11/12/2020 và Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB. Xét đối tượng khởi kiện trong vụ án là các văn bản hành chính do cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền ban hành về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh NB thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, tại Đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện đề ngày 13/7/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Trần Quốc L tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu hủy Thông báo số 105 và Công văn số 2016 của UBND huyện NQ, tỉnh NB; giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc hủy Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB phải giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Quốc L đề ngày 29/7/2021.

Về phía người khởi kiện, ngày 03/8/2022 Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB đã ban hành Quyết định số 1627/QĐ-UBND về việc sửa đổi một phần nội dung Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB, cụ thể như sau: sửa cụm từ “Sau khi xem xét, UBND huyện NQ nhận thấy” thành “Sau khi xem xét, Chủ tịch UBND huyện NQ nhận thấy”; sửa cụm từ “Ủy ban nhân dân huyện NQ thông báo để ông Trần Quốc L được biết” thành “Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện NQ thông báo để ông Trần Quốc L được biết”; bỏ cụm từ “TM. ỦY BAN NHÂN DÂN” ở phần quyền hạn của người ký. Như vậy, Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của UBND huyện NQ, tỉnh NB đã được sửa đổi thành Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB. Căn cứ khoản 4 Điều 57 Luật Tổ tụng hành chính, khoản 2 Điều 11 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ, Chủ tịch UBND huyện NQ ban hành Quyết định số 1627/QĐ-UBND là đúng pháp luật, đảm bảo về thẩm quyền sửa đổi, thẩm quyền người ký văn bản và sửa đổi một phần nội dung của Thông báo số 143/TB-UBND.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện đã rút; chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án là Thông báo số 143/TB-UBND và việc buộc Chủ tịch UBND huyện NQ thực hiện hành vi hành chính giải quyết khiếu nại của ông L, đồng thời xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 1627/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện NQ về việc sửa đổi một phần nội dung Thông báo số 143/TB-UBND để giải quyết trong cùng vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật (theo Điều 173, Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính).

[3.3] Tại Biên bản ghi lời khai ngày 08/7/2022, Biên bản đối thoại ngày 09/8/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, ông L xác định khoảng ngày 06/7/2017 ông nhận được Thông báo số 105/TB-UBND ngày 26/6/2017 và khoảng ngày 20/12/2020 ông nhận được Công văn số 2016/UBND-VP ngày 11/12/2020 của UBND huyện NQ, tỉnh NB.

Tại Điều 9 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định “*Thời hiệu khiếu nại là 90 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính...*”. Tuy nhiên, đến ngày 29/7/2021 ông L mới có Đơn khiếu nại đối với Thông báo số 105 và Công văn số 2016 nêu trên của UBND huyện NQ, tỉnh NB là đã hết thời hiệu khiếu nại. Do đó, hành vi hành chính của Chủ tịch UBND huyện NQ không thụ lý giải quyết khiếu nại theo Đơn khiếu nại đề ngày 29/7/2021 của ông L, đồng thời ban hành Thông báo số 143/TB-UBND ngày 06/9/2021 với nội dung không thụ lý giải quyết khiếu nại của ông L là đúng thẩm quyền, đảm bảo về hình thức văn bản và đúng pháp luật (theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Luật Khiếu nại năm 2011, Điều 29 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ).

Quá trình giải quyết vụ án, ông L không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh ông đã gửi đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện NQ, tỉnh NB trong thời hiệu luật định (tài liệu do ông L giao nộp là Phiếu báo tin số 16/ĐĐBQH-PBT ngày 05/5/2017 của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh NB được ban hành trước khi có Thông báo số 105 ngày 26/6/2017; Công văn số 103/BTCD ngày 26/7/2021 của Ban tiếp công dân tỉnh NB chỉ hướng dẫn ông L liên hệ đến Chủ tịch UBND huyện NQ để được xem xét, trả lời). Ngoài ra, ông L cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh ông bị ốm đau phải điều trị tại bệnh viện dài ngày. Bản thân ông L không bị mắc dịch bệnh Covid-19, địa phương nơi ông L cư trú (huyện TH, tỉnh ĐT) cũng không bị áp dụng biện pháp cách ly xã hội theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 27/3/2020 và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ trong thời hiệu khiếu nại nêu trên.

Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc L là đúng pháp luật. Tại đơn kháng cáo, ông L trình bày trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến tháng 11/2022 gia đình ông xảy ra nhiều việc phải đến các cơ quan tiến hành tố tụng để làm việc trong nhiều vụ án khác nhau khiến gia đình ông bị ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần, tiền bạc nên không có điều kiện để khiếu nại Công văn số 2016 đúng thời hiệu. Hội đồng xét xử xét thấy lý do ông L nêu ra như trên là không chính đáng và đây cũng không phải là trở ngại khác quan hoặc thuộc trường hợp bất khả kháng khiến ông L không thể thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Trần Quốc L và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Ông Trần Quốc L là người cao tuổi và đã có đơn đề nghị được miễn nộp án phí nên được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là Ông Trần Quốc L; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 13/2022/HC-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh NB.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trần Quốc L được miễn nộp toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Điều Văn Hằng      Nguyễn Phan Nam**

**Phùng Hải Hiệp**

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh NB;
- VKSND tỉnh NB;
- Cục THA dân sự tỉnh NB;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Hải Hiệp**